CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4-5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	9 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TỆ	11 - 12
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	13
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	14 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Xuân Hùng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 05/05/2016)
Bà Nguyễn Minh Trang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24/07/2016)
Bà Nguyễn Thanh Hải	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24/07/2016)
Bà Lê Thị Mai Linh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 05/05/2016)
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24/07/2016)
Ông Luyện Ngọc Sơn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24/07/2016)
Ông Nguyễn Hồng Nghị	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24/07/2016)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hồng Nghị	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31/12/2016)
Ông Hoàng Xuân Hùng	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 31/12/2016)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

S.G.P: 96 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM
Q. CẦU GIẤY - T.P HÀ NỘI

Hoàng Xuân Hùng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017

COMPANY LIMITED®
VAE
Since 2001

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN BKR INTERNATIONAL
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

Số: 159 -17/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), *được lập ngày 20/02/2017, từ trang 06 đến trang 26,* bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng cho Công ty

chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của công ty chứng khoán.

Phạm Hùng Sơn	**Ngô Bá Duy**
Phó Tổng giám đốc	Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0813-2013-034-1	*Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2013-034-1*

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Mẫu số B01-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130)	**100**		**20.405.482.217**	**30.381.580.163**
I. Tài sản tài chính	**110**		**19.649.517.744**	**30.373.842.163**
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.1.	17.769.211.621	30.363.219.680
1.1. Tiền	111.1		17.769.211.621	30.363.219.680
3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113		-	-
4. Các khoản cho vay	114		-	-
6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116		-	-
7. Các khoản phải thu	117		-	-
8. Trả trước cho người bán	118	V.3.	1.854.898.994	9.859.300
9. Phải thu các dịch vụ CT chứng khoán cung cấp	119	V.4.	25.137.127	-
10. Phải thu nội bộ	120		-	-
12. Các khoản phải thu khác	122	V.5.	270.002	763.183
13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (*)	129		-	-
II. Tài sản ngắn hạn khác	**130**		**755.964.473**	**7.738.000**
1. Tạm ứng	131		2.000.000	2.839.000
3. Chi phí trả trước ngắn hạn	133	V.6.	572.176.074	4.899.000
4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134		-	-
5. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		181.788.399	-
7. Tài sản ngắn hạn khác	137		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	**200**		**6.024.754.520**	**1.296.377.854**
I. Tài sản tài chính dài hạn	**210**		-	-
2. Các khoản đầu tư	212		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**51.996.667**	**160.731.649**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8.	51.996.667	83.195.667
- Nguyên giá	*222*		*2.494.098.813*	*2.671.677.433*
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*223a*		*(2.442.102.146)*	*(2.588.481.766)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9.	-	77.535.982
- Nguyên giá	*228*		*900.633.000*	*914.313.000*
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*229a*		*(900.633.000)*	*(836.777.018)*
IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	**240**		**2.233.000.000**	-
V. Tài sản dài hạn khác	**250**		**3.739.757.853**	**1.135.646.205**
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	V.10.	490.366.800	-
2. Chi phí trả trước dài hạn	252	V.5.	2.085.466.261	12.431.250
4. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	V.7.	1.163.924.792	1.123.214.955
VI. Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn	**260**		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**26.430.236.737**	**31.677.958.017**

Mẫu số B01-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	**300**		**311.220.595**	**378.032.496**
I. Nợ phải trả ngắn hạn	**310**		**311.220.595**	**378.032.496**
6. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		-	12.387.373
8. Phải trả người bán ngắn hạn	320	V.16.	950	16.147.950
9. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		66.000.000	66.000.000
10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	V.14.	58.548.572	254.396.373
11. Phải trả người lao động	323		182.650.572	-
12. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		-	-
13. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	V.15.	501	500
15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		-	-
16. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	328			
17. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	V.17.	4.020.000	29.100.300
19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		-	-
II. Nợ phải trả dài hạn	**340**		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	**400**		**26.119.016.142**	**31.299.925.521**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**26.119.016.142**	**31.299.925.521**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		**35.000.000.000**	**35.000.000.000**
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		35.000.000.000	35.000.000.000
a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		35.000.000.000	35.000.000.000
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		-	-
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		-	-
7. Lợi nhuận chưa phân phối	417	V.19.	(8.880.983.858)	(3.700.074.479)
7.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	*417.1*		*(8.880.983.858)*	*(3.700.074.479)*
7.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	*417.2*		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**420**		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 +400)	**440**		**26.430.236.737**	**31.677.958.017**

Mẫu số B01-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
A. Tài sản của Công ty chứng khoán và tài sản quản lý theo cam kết			**3.500.000**	**3.500.000**
6. Cổ phiếu đang lưu hành	006		3.500.000	3.500.000
B. Tài sản và các khoản phải trả về tài sản quản lý cam kết với khách hàng				
1. Tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021		182.682.030.000	153.215.920.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1	V.11.	88.645.060.000	148.309.820.000
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		58.700.000.000	2.700.000.000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4	V.11.	-	1.569.600.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5	V.11.	35.336.970.000	636.500.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	V.12.	16.140.000	2.020.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự cho chuyển nhượng	022.1		16.140.000	2.020.000
7. Tiền gửi của khách hàng	026	V.13.	942.621.728	3.499.047.214
7.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		908.501.728	2.782.047.214
7.3. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch	029		34.120.000	717.000.000
7.4. Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán	030		-	-
8. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	V.18.	942.621.728	3.499.047.214
8.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	031.1		942.621.728	3.499.047.214
8.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	031.2		-	-

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Tuyết Thanh	Lê Hồng Hạnh	Hoàng Xuân Hùng

Mẫu số B02-CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)			-	-
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1		-	-
c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3		-	-
1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03		-	-
1.6. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	VI.1.1	159.194.662	588.130.950
1.8. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	08		-	-
1.9. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	VI.1.1	259.229.997	140.837.602
1.10. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	VI.1.1	27.272.727	3.330.454.545
1.11. Thu nhập hoạt động khác	11	VI.1.1	234.647.356	239.008.349
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 ->11)	**20**		**680.344.742**	**4.298.431.446**
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		-	-
a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	21.1		-	-
b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	21.2		-	-
2.4. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay	24		-	-
2.7. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	VI.1.2	26.348.503	184.687.321
2.10. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30	VI.1.2	203.611.009	146.980.425
2.11. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		-	-
2.12. Chi phí các dịch vụ khác	32	VI.1.2	666.277.665	709.883.745
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 ->32)	**40**		**896.237.177**	**1.041.551.491**
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42	VI.2.	93.036.025	88.239.156
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 -> 44)	**50**		**93.036.025**	**88.239.156**
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Cộng chi phí tài chính (60 = 51 -> 55)	**60**		-	-

Mẫu số B02-CTCK

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	**61**		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	**62**	**VI.3.**	**5.058.092.969**	**3.599.556.435**
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 + 50 - 40 - 60 - 61 - 62)	**70**		**(5.180.949.379)**	**(254.437.324)**
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1 Thu nhập khác	71	VI.4.	40.000	214.000
Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	**80**		**40.000**	**214.000**
IX.TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)	**90**		**(5.180.909.379)**	**(254.223.324)**
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		(5.180.909.379)	(254.223.324)
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		-	-
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	**100**		-	-
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1		-	-
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90-100)	**200**		**(5.180.909.379)**	**(254.223.324)**
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	**300**		-	-
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	**500**		**(1.480)**	**(73)**
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	501		(1.480)	(73)
13.2. Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (đồng/1 cổ phiếu)	502		-	-

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Tuyết Thanh	Lê Hồng Hạnh	Hoàng Xuân Hùng

Mẫu số B 03b - CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	***01***		***(5.180.909.379)***	***(254.223.324)***
2. Điều chỉnh cho các khoản	***02***		***15.698.957***	***79.013.763***
- Khấu hao tài sản cố định	03		108.734.982	167.252.919
- Các khoản dự phòng	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	07		(93.036.025)	(88.239.156)
5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**30**		***(5.288.833.662)***	***(544.561.571)***
- Tăng (giảm) các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	37		(25.137.127)	115.932.167
- Tăng (giảm) các khoản phải thu khác	39		(1.844.546.513)	28.046.147
- Tăng (giảm) các tài sản khác	40		(221.659.236)	26.435.000
- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		1	-
- Tăng (giảm) chi phí trả trước	42		(2.640.312.085)	20.996.212
- Tăng (giảm) phải trả cho người bán	45		(16.147.000)	(21.792.000)
- Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		(195.847.801)	(360.404.502)
- Tăng (giảm) phải trả người lao động	48		182.650.572	(208.319.400)
- Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác	50		(37.467.673)	7.698.823
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	51		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(490.366.800)	(153.154.018)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***60***		***(10.454.044.084)***	***(719.771.132)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác	61		(2.233.000.000)	-
5. Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		93.036.025	35.925.416
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***70***		***(2.139.963.975)***	***35.925.416***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***80***		-	-
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ (90=60+70+80)	**90**		**(12.594.008.059)**	**(683.845.716)**
V. Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**101**		**30.363.219.680**	**31.047.065.396**
- Tiền	102		30.363.219.680	31.047.065.396
- Các khoản tương đương tiền	102.1		-	-
VI. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**103**		**17.769.211.621**	**30.363.219.680**
- Tiền	104		17.769.211.621	30.363.219.680
- Các khoản tương đương tiền	104.1		-	-

Mẫu số B 03b - CTCK

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(tiếp theo)

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
I.	**Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng**				
1.	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		55.305.987.000	233.528.549.600
2.	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(39.271.605.200)	(173.570.080.500)
5.	Thu vay Quỹ hỗ trợ thanh toán	05		-	191.277.189.635
6.	Chi trả vay Quỹ hỗ trợ thanh toán	06		-	(252.714.684.459)
7.	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		83.783.167.272	-
8.	Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	08		(102.380.904.899)	-
	Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	***20***		***(2.563.355.827)***	***(1.479.025.724)***
II.	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng**	**30**		**3.499.047.214**	**4.985.003.279**
	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ	31		3.499.047.214	4.985.003.279
-	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	32		2.782.047.214	1.353.493.279
	Trong đó có kỳ hạn			-	-
-	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33		-	-
-	Tiền gửi của Tổ chức phát hành	35		717.000.000	3.631.510.000
	Trong đó có kỳ hạn			-	-
	Các khoản tương đương tiền	36		-	-
III.	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng**	**40**		**942.621.728**	**3.499.047.214**
	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ	41		942.621.728	3.499.047.214
-	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	42		908.501.728	2.782.047.214
-	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	44		34.120.000	717.000.000

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Tuyết Thanh	Lê Hồng Hạnh	Hoàng Xuân Hùng

Mẫu số B04-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
				Năm 2015		Năm 2016			
		01/01/2015	01/01/2016	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	31/12/2015	31/12/2016
động vốn chủ sở									
đầu tư của chủ sở		35.000.000.000	35.000.000.000	-	-	-	-	35.000.000.000	35.000.000.000
phiếu phổ thông n biểu quyết		35.000.000.000	35.000.000.000	-	-		-	35.000.000.000	35.000.000.000
dự trữ bổ sung u lệ		-	-	-	-	-	-	-	-
dự phòng tài rủi ro nghiệp vụ		-	-	-	-	-	-	-	-
huận chưa phân		(3.445.851.155)	(3.700.074.479)	-	254.223.324	-	5.180.909.379	(3.700.074.479)	(8.880.983.858)
nhuận sau thuế hiện		(3.445.851.155)	(3.700.074.479)		254.223.324	-	5.180.909.379	(3.700.074.479)	(8.880.983.858)
		31.554.148.845	**31.299.925.521**	**-**	**254.223.324**	**-**	**5.180.909.379**	**31.299.925.521**	**26.119.016.142**

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Tuyết Thanh	Lê Hồng Hạnh	Hoàng Xuân Hùng

yết minh từ trang 14 đến trang 26 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này).

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam được đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Phượng Hoàng theo giấy phép điều chỉnh số 37/GPĐC-UBCK ngày 18/10/2016 là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép số 96/UBCK – GP ngày 21 tháng 08 năm 2008, giấy phép điều chỉnh số 173/UBCK-GP ngày 26/11/2008, số 287/UBCK-GP ngày 09 tháng 12 năm 2009 và số 11/GPĐC-UBCK cấp ngày 23/05/2016 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký thuế số 0102973463 do Cục thuế Tp.Hà Nội cấp ngày 15 tháng 10 năm 2008 và cấp lại ngày 31/10/2016.

Theo Giấy phép số 96/UBCK-GP thì Vốn điều lệ của Công ty là 35.000.000.000 đồng (Ba mươi lăm tỷ đồng chẵn).

Điều lệ Công ty chứng khoán đã được ban hành năm 2007 và sửa đổi, bổ sung lần thứ 4 ngày 27/09/2016.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;

3. Hạn chế đầu tư

Thực hiện theo điều 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30/11/2012 và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC thì:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng là trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Công ty chứng khoán.

- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại khoản 1 điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của Công ty chứng khoán.

- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của Công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

  + Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của Công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;

  + Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
  + Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

+ Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
+ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;

+ Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;

+ Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp vào dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn gốp vào dự án kinh doanh.

- Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;

+ Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%).

- Trường hợp Công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc có biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của Công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, Công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định.

Trụ sở chính

P224-202-006, số 27 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Công ty Chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 "Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán".

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 30 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2014/2014/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn chế độ kế toán Công ty chứng khoán và ngày 27/12/2016 ban hành Thông tư số 334/2016/TT-BTC ("Thông tư 344") ngày 27/12/2016 "Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán". Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2016. Thông tư 210 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán Công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán. Ban Giám đốc đã áp dụng các thông tư trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung

4. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 Công ty đã áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210"), hướng dẫn chế độ kế toán công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ("Thông tư 344") ngày 27/12/2016 "Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán". Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Thông tư 210 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành theo thông tư 95/2008/QĐ-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 không so sánh được với số liệu tương ứng của Báo cáo tài chính năm 2015 do ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty, tiền gửi của tổ chức phát hành và tiền bù thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).
Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Nguyên tắc ghi nhận Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS thuộc Danh mục tài sản tài chính của Công ty chứng khoán cũng được phân loại theo các loại tài sản tài chính sau: Cổ phiếu, trái phiếu, công cụ thị trường tiền tệ,... và theo hình thức giao dịch chứng khoán : Giao dịch qua sàn giao dịch chứng khoán hoặc không qua sàn giao dịch chứng khoán (OTC). Đối với hình thức giao dịch OTC bao gồm các tài sản tài chính chuẩn bị niêm yết và các tài sản tài chính chưa niêm yết khác.

3. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ

3.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Báo cáo tình hình tài chính này theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán; Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC; Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/06/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	*Thời gian khấu hao <năm>*
- Thiết bị dụng cụ quản lý	02 - 05
- Tài sản cố định khác	02

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm quản lý giao dịch và phần mềm kế toán.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho Công ty chứng khoán; Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC; Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/06/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT - BTC.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Loại tài sản cố định	*Thời gian khấu hao <năm>*
- Phần mềm máy tính	03 - 05

4. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Các chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm: công cụ dụng cụ phân bổ, chi phí thuê văn phòng và chi phí khác liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Chi phí trả trước dài hạn là công cụ dụng cụ có giá trị lớn, và chi phí thi công lắp đặt văn phòng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

5. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ dự trữ điều lệ và Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh theo Điều lệ hoạt động của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu, thu nhập của Công ty bao gồm: doanh thu cung cấp dịch vụ cho khách hàng và lãi tiền gửi ngân hàng phù hợp với quy định của Luật chứng khoán và doanh thu khác phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh của Công ty.

Doanh thu, thu nhập được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản quyền nhận không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu tiền.

- Tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính được ghi nhận trên cơ sở lãi dồn tích theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ kế toán.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia: Là số tiền lợi nhuận được chia từ việc nắm giữ cổ phiếu hoặc góp vốn.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng phải phù hợp với các nghiệp vụ kinh doanh quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty. Doanh thu dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được xác nhận là hoàn thành trên cơ sở đã được khách hàng thanh toán bằng tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc cam kết sẽ thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng. Doanh thu này bao gồm:

- Doanh thu về nghiệp vụ môi giới chứng khoán;

- Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư, kinh doanh chứng khoán;

- Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính;

- Doanh thu từ các dịch vụ tài chính khác,

- Doanh thu cho thuê, sử dụng tài sản.

Mẫu số B09 - CTCK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được hoàn thành.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định trên cơ sở mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân gia quyền của chứng khoán.

Tiền lãi

Thu nhập từ lãi được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ dựa trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là thu nhập khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu. Trong trường hợp này, Công ty không ghi nhận thu nhập mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

7. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng các chính sách thuế theo quy định của các luật thuế hiện hành tại Việt Nam tại mỗi thời kỳ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V Thuyết minh về Báo cáo tình hình tài chính

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt tại quỹ	-	225.829.200
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động công ty chứng khoán	17.769.211.621	30.137.390.480
	17.769.211.621	**30.363.219.680**

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch chứng khoán (Cổ phiếu)	Giá trị giao dịch VND
Khối lượng giao dịch của nhà đầu tư	**6.868.801**	**92.991.412.200**
- Cổ phiếu	6.868.801	92.991.412.200

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc	9.859.000	9.859.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ tin học HPT	1.579.289.694	-
Công ty Cổ phần F.E.T	170.000.000	-
Các đối tượng khác	95.750.300	300
Cộng	**1.854.898.994**	**9.859.300**

4. Phải thu các dịch vụ Công ty Chứng khoán cung cấp

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Trung tâm lưu ký Chứng khoán	25.137.127	-
Cộng	**25.137.127**	**-**

5. Các khoản phải thu khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	270.002	763.183

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

6. Chi phí trả trước

		31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
a)	***Ngắn hạn***	***572.176.074***	***4.899.000***
	Chi phí thuê văn phòng	556.972.574	-
	Chi phí khác chờ phân bổ	15.203.500	4.899.000
b)	***Dài hạn***	***2.085.466.261***	***12.431.250***
	Chi phí thi công lắp đặt nội thất Văn phòng và mua máy móc thiết bị	2.040.215.584	-
	Chi phí khác chờ phân bổ	45.250.677	12.431.250
	Cộng	**2.657.642.335**	**17.330.250**

7. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	742.761.256	742.761.256
Tiền lãi phân bổ trong năm	301.163.536	260.453.699
Cộng	**1.163.924.792**	**1.123.214.955**

8. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Máy móc, thiết bị	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2016	**2.558.148.429**	**113.529.004**	**2.671.677.433**
Mua trong năm	-	-	-
Giảm khác (*)	(153.923.616)	(23.655.004)	**(177.578.620)**
Số dư ngày 31/12/2016	**2.404.224.813**	**89.874.000**	**2.494.098.813**
Giá trị hao mòn luỹ kế			
Số dư ngày 01/01/2016	**2.474.952.762**	**113.529.004**	**2.588.481.766**
Khấu hao trong năm	31.199.000	-	**31.199.000**
Giảm khác (*)	(153.923.616)	(23.655.004)	**(177.578.620)**
Số dư ngày 31/12/2016	**2.352.228.146**	**89.874.000**	**2.442.102.146**
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2016	**83.195.667**	-	**83.195.667**
Tại ngày 31/12/2016	**51.996.667**	-	**51.996.667**

(i) Giảm khác là phân loại tài sản cố định có nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu đồng theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.338.103.813 đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2016	**914.313.000**	**914.313.000**
Mua trong năm	-	-
Giảm khác (*)	(13.680.000)	**(13.680.000)**
Số dư ngày 31/12/2016	**900.633.000**	**900.633.000**
Giá trị hao mòn luỹ kế		
Số dư ngày 01/01/2016	**836.777.018**	**836.777.018**
Khấu hao trong năm	77.535.982	**77.535.982**
Giảm khác (*)	(13.680.000)	**(13.680.000)**
Số dư ngày 31/12/2016	**900.633.000**	**900.633.000**
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2016	**77.535.982**	**77.535.982**
Tại ngày 31/12/2016	-	-

(i) Giảm khác là phân loại tài sản cố định có nguyên giá nhỏ hơn 30 triệu đồng theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013.

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 914.313.000 đồng.

10. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư IDJ Việt Nam	490.366.800	-
Cộng	**490.366.800**	-

11. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính	31/12/2016 Chứng khoán	01/01/2016 Chứng khoán
1. Tài sản tài chính tự do chuyển nhượng	88.645.060.000	148.309.820.000
2. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	-	-
3. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	58.700.000.000	2.700.000.000
4. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	-	1.569.600.000
5. Tài sản tài chính chờ thanh toán	35.336.970.000	636.500.000
Cộng	**182.682.030.000**	**153.215.920.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

12. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

Tài sản tài chính	31/12/2016 Chứng khoán	01/01/2016 Chứng khoán
1.Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	16.140.000	2.020.000

13. Tiền gửi của Nhà đầu tư

		31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
1.	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	942.621.728	3.499.047.214
1.1	*Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý*	*908.501.728*	*2.782.047.214*
1.2	*Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư*	*34.120.000*	*717.000.000*
	Cộng	**942.621.728**	**3.499.047.214**

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Thuế GTGT đầu ra	-	174.887.691
Thuế Thu nhập cá nhân	58.548.572	79.508.682
Cộng	**58.548.572**	**254.396.373**

15. Chi phí phải trả

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Chi phí phải trả khác	501	500
Cộng	**501**	**500**

16. Phải trả cho người bán

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam	-	15.947.000
Các đối tượng khác	950	200.950
Cộng	**950**	**16.147.950**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

17. Phải trả, phải nộp khác

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	3.990.000	3.990.000
Các khoản phải trả khác	30.000	25.110.300
Cộng	**4.020.000**	**29.100.300**

18. Phải trả Nhà đầu tư

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	942.621.728	3.499.047.214
- Nhà đầu tư trong nước	*942.621.728*	*3.499.047.214*
Cộng	**942.621.728**	**3.499.047.214**

19. Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	(8.880.983.858)	(3.700.074.479)
Cộng	**(8.880.983.858)**	**(3.700.074.479)**

VI. Thuyết minh về Báo cáo kết quả hoạt động

1. Thu nhập

1.1 Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

Các loại doanh thu hoạt động khác	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	159.194.662	588.130.950
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	27.272.727	3.330.454.545
Doanh thu lưu ký chứng khoán	259.229.997	140.837.602
Thu nhập hoạt động khác	234.647.356	239.008.349
Cộng	**680.344.742**	**4.298.431.446**

1.2 Chi phí ngoài chi phí các tài sản tài chính

Các loại chi phí hoạt động khác	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Chi phí lưu ký chứng khoán	203.611.009	-
Chi phí hoạt động khác	666.277.665	709.883.745
Cộng	**896.237.177**	**894.571.066**

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	89.873.492	88.239.156
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.162.533	
Cộng	**93.036.025**	**88.239.156**

3. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.138.124.063	2.034.084.417
Chi phí vật tư văn phòng	81.579.580	27.696.067
Chi phí công cụ, dụng cụ	123.175.515	25.942.967
Chi phí khấu hao TSCĐ	108.734.982	167.252.919
Chi phí thuế, phí, lệ phí	5.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.432.428.875	1.237.946.020
Chi phí khác	169.049.954	103.634.045
Cộng	**5.058.092.969**	**3.599.556.435**

4. Thu nhập khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Các khoản thu nhập khác	40.000	214.000
Cộng	**40.000**	**214.000**

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH *(tiếp theo)*

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Và, Như trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 Công ty đã áp dụng Thông tư số 210/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210"), hướng dẫn chế độ kế toán công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 "Sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán". Theo đó, một số số liệu của Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2015 và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được phân loại, trình bày lại cho phù hợp với quy định của các thông tư này.

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KIẾN THIẾT VIỆT NAM

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Phạm Thị Tuyết Thanh	Lê Hồng Hạnh	Hoàng Xuân Hùng